

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 30-01-2026

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thanh Hải**

*Các thẩm phán:* Ông **Đình Trường Sơn**

Bà **Hoàng Ngọc Liễu**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hà Phương Huyền** - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:**  
Ông **Hoàng Xuân Tân**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cơ sở 3, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2025/TLPT-HNGĐ ngày 10/12/2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2025/HNGĐ - ST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2026/QĐ-PT ngày 13/01/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tiểu khu L, xã L, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Lưu Thị N, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tiểu khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lưu Thị N

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Việt Đ trình bày:**

Ông và bà Lưu Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 08/12/1999 (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc bà N nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình và nhiều nguyên nhân khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 9/2024 ông đã bỏ nhà ra Hà Nội làm bảo vệ, không ai liên lạc và không quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N.

*Về con chung:* Vợ chồng 02 con chung gồm: Con lớn là Nguyễn Thị Bích Thủy T, sinh ngày 25/10/2000 đã trưởng thành và đã lập gia đình không yêu cầu Toà án giải quyết; con thứ hai là Nguyễn Phương T1, sinh ngày 16/12/2008 đang ở với bà N và học Trường Trung học phổ thông L. Hiện nay ông đang làm thuê ở Hà Nội nên việc nuôi con không đảm bảo, do vậy đề nghị bà N nuôi con và ông cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lưu Thị N trình bày:***

Bà N xác nhận về điều kiện kết hôn như ông Đ trình bày. Sau kết hôn cuộc sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, đến tháng 10 năm 2024 ông Đ bỏ đi khỏi nhà từ đó tới nay vợ chồng sống ly thân, không ai liên lạc, quan tâm đến nhau. Bà N nhận thấy của bà với ông Đ vẫn còn nhưng không thể níu kéo do vậy bà đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Bích Thủy T, sinh ngày 25/10/2000 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 16/12/2008. Hiện nay cháu Thủy T đã trưởng thành đủ 18 tuổi và đã lập gia đình bà không yêu cầu Toà án giải quyết; đối với cháu Nguyễn Phương T1 hiện nay chưa thành niên, và có nguyện vọng được ở với ông Đ nên bà nhường quyền nuôi con cho ông Đ, bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

*Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:* Từ khi thụ lý vụ án, công khai chứng cứ, hòa giải đến khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử (19/9/2025) bà Lưu Thị N không đề nghị Toà án giải quyết. Đến ngày 03/10/2025 bà N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung, công nợ, lỗi vi phạm chế độ 1 vợ 1 chồng và tâu tán, phá hoại tài sản.

**Tại bản án sơ thẩm số 25/2025/HNGĐ-ST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13- Phú Thọ đã quyết định:**

*Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Việt Đ và bà Lưu Thị Nở .

*Về con chung:* Cháu Nguyễn Thị Bích Thủy T, sinh ngày 25/10/2000 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao bà Lưu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 16/12/2008 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Buộc ông Nguyễn Việt Đ cấp dưỡng nuôi con cùng bà Lưu Thị N mỗi tháng 2.300.000đ kể từ tháng 10 năm 2025 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Ông Đ có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp:* Chưa xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/10/2025, bị đơn bà Lưu Thị N kháng cáo với nội dung: Lý do ly hôn mà ông Đ đưa ra chưa hợp lý; bà từ chối quyền nuôi con chung; Tòa án chưa xem xét về tài sản chung và hành vi hủy hoại tài sản của ông Đ. Đề nghị hủy bản

án sơ thẩm để vợ chồng suy nghĩ giải quyết vấn đề tài sản và cho các con trưởng thành, ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lưu Thị N rút 1 phần kháng cáo về nuôi con.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* tại phiên tòa bà N rút 1 phần kháng cáo về nuôi con, căn cứ Điều 289, đình chỉ phúc thẩm đối với nội dung này.

Các nội dung kháng cáo khác của bà N không có căn cứ xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2025/HNGĐ-ST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13- Phú Thọ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bà N nộp trong thời hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lưu Thị N rút 1 phần kháng cáo về nuôi con, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này.

Nguyên đơn ông Nguyễn Việt Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt ông Đ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

**[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị N:**

*[2.1] Về kháng cáo xin đoàn tụ:* Quá trình giải quyết vụ án ông Đ và bà N đều nhất trí được ly hôn, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bà N kháng cáo cho rằng lý do ông Đ xin ly hôn chưa hợp lý nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng suy nghĩ giải quyết vấn đề tài sản và cho các con trưởng thành, ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi kết hôn Bà N và ông Đ chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 10 năm 2024 ông Đ đã bỏ nhà đi làm tại Hà Nội, hai bên không liên lạc và quan tâm đến nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã không còn chung sống với nhau, bà N cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và đồng ý ly hôn. Cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Việt Đ và bà Lưu Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Kháng cáo về tài sản:** Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Tòa cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử ông Nguyễn Việt Đ, bà Lưu Thị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 19/9/2025, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho bà N. Đến ngày 03/10/2025 bà Lưu Thị N làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết chia tài sản, công nợ chung, giải quyết về vi phạm chế độ 1 vợ 1 chồng và hành vi hủy hoại tài sản của ông Đ. Cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, không giải quyết yêu cầu chia tài sản của bà Lưu Thị N trong vụ án này là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị N, cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 25/2025/HNGĐ-ST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ

**[2.3] Về án phí:** Bà Lưu Thị N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 BLTTDS, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về nuôi con.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Nở . Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2025/HNGĐ-ST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.
- Về án phí phúc thẩm: Bà Lưu Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005212 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bà Lưu Thị N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 30/01/2026/.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao; VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 13 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 13 - Phú Thọ;
- THADS Tỉnh Phú Thọ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Hải**

